

Số: 38/TTr-UBND

Bắc Kạn, ngày 4 tháng 3 năm 2024

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết quy định chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020; Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét Quyết nghị Nghị quyết quy định chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, cụ thể như sau:

I. CƠ SỞ BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

1.1. Cơ sở chính trị

- Kết luận số 64-KL/TW ngày 28/5/2013 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá XI) hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ trung ương đến cơ sở”.

- Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam; Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Điều lệ Hội Liên hiệp Phụ nữ; Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam; Điều lệ Hội Cựu chiến binh Việt Nam; Điều lệ

Hội Người cao tuổi Việt Nam; Điều lệ Hội Chữ thập đỏ Việt Nam; Điều lệ Hội Khuyến học Việt Nam.

- Văn bản số 1387-TB/TU ngày 28/02/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thông báo nội dung Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 66 (khóa XII), nhiệm kỳ 2020 - 2025.

1.2. Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020; Luật Thú y năm 2015; Luật Trẻ em năm 2016; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Luật Dân quân tự vệ ngày 22/11/2019; Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Luật Bảo hiểm y tế năm 2008.

- Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ; Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

- Thông tư số 04/2009/TT-BNN ngày 21/01/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn nhiệm vụ của cán bộ, nhân viên chuyên môn, kỹ thuật ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công tác trên địa bàn cấp xã; Thông tư số 05/2008/TT-BYT ngày 14/5/2008 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy dân số kế hoạch hóa gia đình ở địa phương; Thông tư 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 3/12/2018 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; Thông tư số 05/2022/TT-BNV ngày 23/5/2022 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

- Quyết định số 52/2016/QĐ-TTg ngày 06/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế Hoạt động thông tin cơ sở; Thông tư số 39/2020/TT-BTTTT ngày 24/11/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý Đài Truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.

2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Căn cứ các quy định về chế độ, chính sách của Chính phủ đối với người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ

dân phố, ngày 17/7/2020, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND trong đó quy định cụ thể về chức danh, số lượng và mức phụ cấp hàng tháng, phụ cấp kiêm nhiệm cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; ở thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố, tổ nhân dân, tiểu khu.

Ngày 10/6/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 33/2023/NĐ-CP quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, thay thế 04 Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 về công chức xã, phường, thị trấn; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. Theo đó, tại khoản 3 Điều 34 Nghị định 33/2023/NĐ-CP quy định:

“3. Căn cứ vào quỹ phụ cấp được ngân sách Trung ương khoán cho mỗi cấp xã, mỗi thôn, tổ dân phố quy định tại các khoản 1, 2 Điều này; nguồn kinh phí ngân sách chi cho cải cách chính sách tiền lương của địa phương; các quy định của pháp luật có liên quan và đặc thù của từng cấp xã, từng thôn, tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể những nội dung sau:

- a) Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;*
- b) Việc kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố;*
- c) Mức phụ cấp của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố bảo đảm tương quan hợp lý với mức lương bậc 1 của công chức cấp xã có cùng trình độ đào tạo nhằm khuyến khích người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; quy định cụ thể mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và mức phụ cấp kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương”.*

Trên cơ sở nhiệm vụ được giao tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP đã trích dẫn trên, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cụ thể các nội dung theo quy định và thay thế Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị

trần và ở thôn, tổ dân phố, tổ nhân dân, tiểu khu trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn là cần thiết, đúng quy định pháp luật và phù hợp với đặc điểm tình hình cụ thể của tỉnh.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh là căn cứ quyết định chức danh; tính mức phụ cấp, mức hỗ trợ và việc kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

Việc xây dựng Nghị quyết phải bảo đảm phù hợp với chủ trương của Đảng, các quy định của pháp luật hiện hành về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP và tình hình thực tế của địa phương, nhằm kịp thời động viên, khuyến khích, thu hút người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố, góp phần nâng cao chất lượng của hệ thống chính trị ở cơ sở.

2. Quan điểm

- Xây dựng Nghị quyết phù hợp khả năng kinh phí của địa phương.
- Bảo đảm thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương.
- Bảo đảm tính khả thi khi áp dụng trên thực tiễn và sự đồng bộ của hệ thống pháp luật.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết thực hiện theo trình tự thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Quyết định số 01/QĐ-HĐND ngày 18/11/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành hệ thống quy trình xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- Về đề nghị xây dựng nghị quyết: Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết và đã được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận, phân công xây dựng dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh, trong quá trình xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết đã giao cơ quan chuyên môn tham mưu trình cấp có thẩm quyền xem xét, cho ý kiến trước khi xin ý kiến các cơ quan, đơn vị địa phương¹.

¹Ngày 18/7/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh có Tờ trình số 128/TTr-UBND gửi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đăng ký xây dựng Nghị quyết; ngày 04/8/2023, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 145/HĐND-VP gửi Ủy ban nhân dân tỉnh nhất trí chủ trương xây dựng Nghị quyết; ngày 07/8/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 5077/UBND giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan soạn thảo hồ sơ Nghị quyết; ngày 15/8/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1475/QĐ-UBND thành lập Tổ soạn thảo nghị quyết; ngày 04/10/2023, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh họp xem xét hồ sơ dự thảo Nghị quyết lần 1; ngày 16/10/2023, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến về hồ sơ dự thảo Nghị quyết lần 1; ngày 19/10/2023, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến đồng ý về chủ trương xây dựng nghị quyết; ngày 7/11/2023, lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh họp xem xét hồ sơ dự thảo Nghị quyết lần 2; ngày 15/11/2023, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến lần 2 (Dự thảo Nghị quyết lần 6); ngày 19/12/2023, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến lần 2 về dự thảo Nghị quyết; ngày 29/12/2023, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét lần 3 (Dự thảo Nghị quyết lần 7); ngày 8/01/2024, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần 3 (Dự thảo Nghị quyết lần 8); ngày 16/01/2024, Sở Nội vụ

- Về lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết:

+ Dự thảo Nghị quyết đã được gửi xin ý kiến góp ý của các Sở, ban ngành cấp tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn. Dự thảo được đăng trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Bắc Kạn để lấy ý kiến. Trên cơ sở các ý kiến đóng góp, cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh sửa các ý kiến phù hợp và có cơ sở tại Báo cáo số 34/BC-SNV ngày 20/02/2024 của Sở Nội vụ (gửi kèm).

+ Dự thảo Nghị quyết đã được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bắc Kạn phản biện xã hội tại Công văn số 2498/MTTQ-BTT ngày 30/01/2024. Cơ quan soạn thảo đã giải trình, tiếp thu ý kiến phản biện của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tại Công văn số 185/SNV-XDCQ&CTTN ngày 06/02/2024 của Sở Nội vụ (gửi kèm).

- Về thẩm định dự thảo Nghị quyết: Dự thảo đã được gửi Sở Tư pháp để thẩm định theo đúng trình tự ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Theo đó, ngày 29/02/2024 Sở Tư pháp đã ban hành Báo cáo thẩm định số 48/BCTĐ-STP thẩm định về dự thảo Nghị quyết quy định chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (có Báo cáo thẩm định kèm theo). Nghị quyết được đánh giá phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, tình hình thực tiễn và điều kiện ngân sách địa phương, đảm bảo tương đồng với các tỉnh lân cận và đủ điều kiện trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Về ý kiến của cấp có thẩm quyền: Trên cơ sở hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh đã báo cáo và trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét cho ý kiến trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. Ngày 28/02/2024, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã cho ý kiến tại Văn bản số 1387-TB/TU về thông báo nội dung Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 66 (khóa XII), nhiệm kỳ 2020 - 2025.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục: Nghị quyết gồm 9 Điều.

2. Nội dung cơ bản:

2.1. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

xin ý kiến góp ý các cơ quan đơn vị, địa phương (dự thảo Nghị quyết lần 9); ngày 06/02/2024, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh họp cho ý kiến lần 4 (dự thảo Nghị quyết lần 10); ngày 11/02/2024, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần 4 (dự thảo Nghị quyết lần 11); ngày 27/02/2024, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến về dự thảo Nghị quyết.

Nhận thấy tiến độ thực hiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết không đảm bảo về thời gian thực hiện, do vậy, ngày 10/11/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có văn bản gửi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xin rút nội dung trình Nghị quyết tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2023; ngày 10/11/2023, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đã có văn bản gửi Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý điều chỉnh thời gian trình dự thảo Nghị quyết quy định chức danh, mức phụ cấp, việc kiêm nhiệm người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, tổ nhân dân, tiểu khu trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn từ kỳ họp thường lệ cuối năm 2023 sang kỳ họp năm 2024.

a) Nội dung:

Quy định chức danh, mức phụ cấp hàng tháng của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (bao gồm cả hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chức danh	Mức phụ cấp hàng tháng theo loại xã		
		Loại I	Loại II	Loại III
1	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	2.250.000	2.150.000	2.050.000
2	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	2.250.000	2.150.000	2.050.000
3	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	2.250.000	2.150.000	2.050.000
4	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	2.250.000	2.150.000	2.050.000
5	Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	2.250.000	2.150.000	2.050.000
6	Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự	2.250.000	2.150.000	2.050.000
7	Nhân viên thú y	2.150.000	2.050.000	1.950.000
8	Người làm công tác Nông, lâm nghiệp - Kế hoạch - Giao thông	2.150.000	2.050.000	1.950.000
9	Chủ tịch Hội Người cao tuổi	2.100.000	2.000.000	1.900.000
10	Chủ tịch Hội Khuyến học	2.100.000	2.000.000	1.900.000
11	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	2.100.000	2.000.000	1.900.000
12	Người làm công tác Bảo vệ trẻ em	2.100.000	2.000.000	1.900.000
13	Người làm công tác Đài truyền thanh	2.100.000	2.000.000	1.900.000

b) Thuyết minh, giải trình (*có bản thuyết minh, giải trình kèm theo*).

2.2. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

a) Nội dung:

Quy định mức phụ cấp hàng tháng của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chức danh	Mức phụ cấp hàng tháng
1	Bí thư Chi bộ	2.300.000
2	Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố	2.300.000
3	Trưởng Ban công tác Mặt trận	1.700.000

b) Thuyết minh, giải trình (có bản thuyết minh, giải trình kèm theo).

2.3. Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

a) Nội dung:

Quy định mức hỗ trợ hàng tháng người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố	Mức hỗ trợ hàng tháng
1	Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ	350.000
2	Chi hội trưởng Chi hội Nông dân	350.000
3	Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh	350.000
4	Bí thư Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	350.000
5	Chi hội trưởng Chi hội Người cao tuổi	250.000

b) Thuyết minh, giải trình (có bản thuyết minh, giải trình kèm theo).

2.4. Kiểm nhiệm và mức phụ cấp kiểm nhiệm

a) Nội dung:

1. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được kiểm nhiệm không quá 02 chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã hoặc ở thôn, tổ dân phố.

2. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được kiểm nhiệm không quá 01 chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

3. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được kiểm nhiệm không quá 02 người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và được hưởng phụ cấp kiểm nhiệm bằng 100% mức hỗ trợ hàng tháng của người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố kiểm nhiệm. Trường hợp đã kiểm nhiệm tại khoản 2 Điều này được kiểm nhiệm không quá 01 người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

4. Phụ cấp kiểm nhiệm không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

b) Thuyết minh, giải trình (có bản thuyết minh, giải trình kèm theo).

2.5. Chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế

a) Nội dung:

1. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế.

2. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế do cá nhân tự đóng theo quy định.

b) Thuyết minh, giải trình (*có bản thuyết minh, giải trình kèm theo*).

2.6. Điều khoản chuyển tiếp

a) Nội dung:

1. Các chức danh Trưởng Ban bảo vệ dân phố, Phó Ban bảo vệ dân phố tiếp tục được hỗ trợ hàng tháng (bao gồm cả hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế) đến khi có quy định mới của cơ quan có thẩm quyền, cụ thể như sau:

- Trưởng Ban bảo vệ dân phố (đối với phường, thị trấn) được hỗ trợ hàng tháng là 1.000.000 đồng/ chức danh/tháng.

- Phó Ban bảo vệ dân phố (đối với phường, thị trấn): Mỗi phường, thị trấn bố trí 01 người đảm nhiệm chức danh Phó Ban bảo vệ dân phố và được hỗ trợ hàng tháng là 870.000 đồng/chức danh/tháng.

2. Các chức danh Công an viên, Ủy viên Ban bảo vệ dân phố tiếp tục được hỗ trợ hàng tháng và hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế đến khi có quy định mới của cơ quan có thẩm quyền, cụ thể như sau:

- Công an viên (ở thôn): Mỗi thôn bố trí 01 người đảm nhiệm chức danh Công an viên và được hỗ trợ hàng tháng là 1.050.000 đồng/chức danh/tháng.

b) Ủy viên Ban bảo vệ dân phố (ở tổ dân phố): Mỗi tổ dân phố bố trí 01 người đảm nhiệm chức danh Ủy viên Ban bảo vệ dân phố và được hỗ trợ hàng tháng là 730.000 đồng/ chức danh/tháng.

c) Thuyết minh, giải trình (*có bản thuyết minh, giải trình kèm theo*).

2.7. Kinh phí thực hiện

Dự kiến kinh phí thực hiện dự thảo Nghị quyết trong 1 năm

Tổng kinh phí dự kiến: **174.877.488.000 đồng/năm.**

(*Chi tiết có biểu giải trình kinh phí kèm theo*).

2.7. Tổ chức thực hiện

Hồ sơ gửi kèm:

- Dự thảo Nghị quyết.

- Bản thuyết minh, giải trình dự thảo Nghị quyết, biểu tính kinh phí, biểu so sánh các tỉnh lân cận, báo cáo tác động chính sách khi ban hành Nghị quyết (*kèm theo Tờ trình*).

- Báo cáo đánh giá kết quả 03 năm thực hiện Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND.

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; Phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Báo cáo giải trình, tiếp thu thẩm định và giải trình ý kiến phản biện của Sở Nội vụ.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, Ủy ban nhân dân tỉnh trân trọng trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

Gửi bản giấy và điện tử:

- Như trên (để trình).

Gửi bản điện tử:

- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Các Sở: Nội vụ, Tài chính, Tư pháp;
- LĐVP;
- Lưu: VT, M.Anh, Hòa, Thuyên.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đăng Bình